

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/HNGĐ – ST
Ngày: 09/8/2018
V/v "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Dũng

Ông Nguyễn Quang Liêu

- Thư ký phiên tòa: Bà Ninh Thị Nguyên Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện viện kiểm sát: Ông Hoàng Văn Đàm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý thụ lý số: 61/HNGĐ-ST, ngày 06 tháng 3 năm 2018. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 28/2018/QĐST - HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần L; Sinh năm 1989 (có mặt)

Trú tại: Thôn 4, xã Đ, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn Q; Sinh năm 1989 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn 2, xã M, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/02/2018 và quá trình thụ lý vụ án, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần L và anh Trần Văn Q tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước; vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q không quan tâm chăm sóc đến cuộc sống gia đình, thường xuyên tham gia chơi cờ bạc, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã và anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 liên tục cho đến nay. Quá trình ly thân anh chị không còn quan tâm đến nhau, mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình, hạnh phúc gia đình không còn.

Vì vậy, chị Ly làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng cho chị được ly hôn với anh Trần Văn Q.

Về con chung: Có 01 cháu là Trần Nhật H, sinh ngày 13/11/2012 nguyện vọng của chị L mong muốn được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi cháu thành niên; không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ 2, không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, HĐXX thực hiện đúng các quy định về tố tụng. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần L và anh Trần Văn Q tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước; đối chiếu với giấy chứng nhận kết hôn do chị L giao nộp hợp pháp tại Tòa án; căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; có căn cứ để xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Trần L và anh Trần Văn Q là hợp pháp.

Về mâu thuẫn gia đình: Trong quá trình chung sống với nhau, giữa anh chị có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q không quan tâm cuộc sống gia đình, vợ chồng anh chị bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau và anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 liên tục đến nay, trong quá trình sống ly thân mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc tới ai, kinh tế độc lập. Chị L cho rằng mâu thuẫn vợ chồng anh chị đến nay đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q. Qua lời khai của người làm chứng; xác định được vợ chồng chị L, anh Q có xảy ra mâu thuẫn, thể hiện qua các hành vi như thường xuyên cãi vã, không quan tâm đến nhau, sống ly thân liên tục từ năm 2017 đến nay. Đối chiếu với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy hôn nhân giữa chị L và anh Q lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần L.

2. Về con chung: Có 01 con chung là Trần Nhật H, sinh ngày 13/11/2012, chị Trần L có nguyện vọng được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi cháu thành niên. Anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc nhưng anh Q đều vắng mặt không lý do. Trong thời gian sống ly thân cháu H chung sống với chị L; để ổn định cuộc sống, sinh hoạt, việc học tập của cháu H cần chấp

nhận yêu cầu của chị L. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu nên không đặt ra.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Trần L phải nộp theo luật định.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81, 82, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 131 Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chị Trần L được ly hôn với anh Trần Văn Q.

[2]. Về con chung: Giao cháu Trần Nhật H, sinh ngày 13/11/2012 cho chị Trần L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về yêu cầu cấp dưỡng: chị L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ và con chung được thực hiện theo các quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trần L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Ly đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0021803 ngày 06/3/2018.

[5]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND Hện Bù Đăng;
- Chi cục THADS Hện Bù Đăng;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thùy Linh

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 9 giờ 30 phút, ngày 09 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Dũng

Ông Nguyễn Quang Liêu

Tiến hành nghị án, vụ án hôn nhân gia đình thụ lý thụ lý số: 61/HNGĐ-ST, ngày 06 tháng 3 năm 2018. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 28/2018/QĐST - HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần L; Sinh năm 1989 (có mặt)

Trú tại: Thôn 4, xã Đ, Huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn Q; Sinh năm 1999 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn 2, xã M, Huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến tranh luận của đương sự, quan điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa và các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81, 82, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 131 Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016. (Kết quả biểu quyết 3/3).

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chị Trần L được ly hôn với anh Trần Văn Q. (Kết quả biểu quyết 3/3).

[2]. Về con chung: Giao cháu Trần Nhật H, sinh ngày 13/11/2012 cho chị Trần L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về yêu cầu cấp dưỡng: chị Ly không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ và con chung được thực hiện theo các quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. (Kết quả biểu quyết 3/3).

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trần L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Ly đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0021803 ngày 06/3/2018. (Kết quả biểu quyết 3/3)

[5]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại chính quyền địa phương nơi cư trú. (Kết quả biểu quyết 3/3).

Việc nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 09 tháng 8 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA